

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST

Ngày: 29/3/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Phúc.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Kiến Cát P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 101C, ấp C, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn N, sinh năm 1970.

Bà Kim Thị Kim E, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Kiến Cát P trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Võ Thị L (đã chết năm 2016) có cho bà Kim Thị Kim E và ông Bùi Văn N mượn số tiền 150.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K có giấy mượn tiền đề ngày 19/11/2015. Ông Đ nhiều lần đến nhà đòi tiền, vàng nhưng bà Kim E, ông N không trả. Do đó, ông Đ là chồng bà L khởi kiện yêu cầu bà Kim E và ông N trả số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ năm 2016 đến

nay với mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là 90.000.000 đồng cùng 10 chỉ vàng 24K.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Kim Thị Kim E trình bày:

Vào ngày 09/11/2015, di của bà là bà Võ Thị L (chết năm 2016) có gởi bà cất giữ số tiền 150.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K để phòng những lúc bà L bệnh có tiền chữa trị. Ngày này, ông Đ có nhờ người quen viết giấy tay với nội dung bà có mượn của bà L 150.000.000 đồng. Bà có đọc lại nội dung và có ký tên vào giấy. Bà khẳng định chữ ký “E”, “Kim Thị Kim E” phía dưới mục “Người mượn” trong giấy này là của bà. Tuy nhiên, lúc bà ký tên vào giấy mượn tiền này thì hoàn toàn không có dòng chữ “Vào ngày 20-9-2015 có gởi cho cháu Kim Thị Kim E 10 chỉ vàng”. Trước đó bà L có gởi cho bà giữ dùm 10 chỉ vàng 24K nhưng hai bên không có làm giấy tờ. Bà không có yêu cầu Tòa án trung cầu giám định.

Vào ngày 08/3/2016, bà L đã lấy 01 chỉ vàng đi đám cưới con của đứa cháu bà L, còn lại 09 chỉ vàng 24K. Ngày 15/02/2016, bà L bị bệnh, bà đi nuôi, chồng bà L là ông Nguyễn Văn Đ có nói với bà rằng: bà lấy số tiền, vàng mà bà L gởi để lo chi phí trị bệnh cho bà L.

Ngày 20/3/2016, bà L chết, ông Đ nói với bà là lấy số tiền, vàng còn lại lo đám tang, mồ mã cho bà L. Nếu dư thì trả lại ông, còn nếu thiếu thì ông Đ trả tiếp cho bà. Sự việc này có nhiều người xung quanh chứng kiến. Sau khi đám tang bà L, giữa bà và ông Đ có cùng nhau tổng kết tất cả các chi phí gồm: chi phí điều trị bệnh, chi phí lo đám tang, xây mộ cho bà L với tổng số tiền là 186.050.000 đồng. 09 chỉ vàng 24K bà bán được 27.900.000 đồng, cộng với 150.000.000 đồng tiền mặt là 177.900.000 đồng. Như vậy, sau khi khấu trừ, ông Đ còn thiếu ngược lại bà là 8.150.000 đồng. Như thỏa thuận ban đầu là nếu sau khi trừ đi tất cả các chi phí nếu thiếu thì ông Đ sẽ trả lại cho bà nhưng từ đó đến nay ông Đ không trả nên bà cũng không tranh chấp số tiền này (xem như số tiền này bà góp vào để xây nhà mồ cho bà L). Hiện tại số tiền và vàng của bà L gởi không còn nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn N trình bày:

Bà L là di của bà Kim E (vợ ông), tuy không trực tiếp tham gia và chứng kiến sự việc gởi tiền, vàng giữa vợ ông và bà L vào năm 2015 nhưng sau đó ông có nghe vợ ông nói lại là có nhận giữ dùm bà L 150.000.000 đồng tiền mặt và 10 chỉ vàng 24K để sau này lo chi phí điều trị bệnh, lo hữu sự cho bà L. Số tiền, vàng này vợ ông cất giữ, thực tế ông bà không có vay của bà L và cũng không sử dụng để tiêu xài. Đến cuối năm 2015, bà L bị bệnh vợ ông có đi nuôi bà L và khi bà L chết thì vợ chồng ông đứng ra lo đám tang và mọi chi phí có liên quan ông bà đều sử dụng số tiền, vàng mà bà L đã gởi. Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông. Ông cũng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông N và bà Kim E có trách nhiệm liên đới trả cho ông 150.000.000 đồng, lãi suất tạm tính từ năm 2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là 90.000.000 đồng, tổng cộng 240.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông N, bà Kim E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ năm 2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm, với số tiền 90.000.000 đồng, tổng cộng 240.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K. Căn cứ để ông Đ khởi kiện là “giấy mượn tiền” (bản phô tô) đề ngày 19/11/2015 với nội dung: “Tôi tên Kim Thị Kim E có mượn của dì Võ Thị L số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vào ngày 20/9/2015 có gởi cho cháu Kim Thị Kim E 10 chỉ vàng 24K...”. Phía dưới có ký tên “Kim Thị Kim E”. Bà Kim E cũng thừa nhận có nhận giữ dùm bà Võ Thị L số tiền 150.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K như lời trình bày của ông Đ và cũng đúng như nội dung đã ghi trong giấy mượn tiền” đề ngày 19/11/2015, chữ ký “Kim Thị Kim E” ở phía dưới mục “người mượn” là của bà. Nhưng lúc ký tên vào giấy này thì không có dòng chữ: “Vào ngày 20/9/2015 có gởi cho cháu Kim Thị Kim E 10 chỉ vàng 24K”. Tuy nhiên bà không yêu cầu giám định vì bà cho rằng thực tế bà có giữ dùm bà L số tiền và vàng như ông Đ trình bày nhưng tất cả số tài sản trên đã sử dụng cho việc điều trị bệnh cho bà L và tất cả các chi phí có liên quan sau khi bà L chết.

[2] Tuy nguyên đơn không cung cấp được bản chính “giấy mượn tiền” đề ngày 19/11/2015 nhưng bị đơn thừa nhận chữ ký, cả nguyên đơn bị đơn đều không yêu cầu giám định nhưng các đương sự đều trình bày thống nhất có sự việc bà Kim E đã nhận của bà L, ông Đ số tiền 150.000.000 đồng, cùng 10 chỉ vàng 24K vào năm 2015. Ông Đ thì cho rằng sau khi bà L chết nên ông Đ yêu cầu bà Kim E trả lại số tài sản trên. Bà Kim E thì cho rằng tất cả số tài sản này đã dùng vào việc lo chi phí điều trị bệnh và đám tang của bà L. Bị đơn có cung cấp các đơn thuốc, biên lai thu tiền viện phí của bà Võ Thị L, phiếu bán hàng của cửa hàng vật liệu xây dựng, giấy xác nhận của trại hòm, giấy xác nhận của thợ hồ xây dựng nhà mồ cho bà Võ Thị L... Ngoài ra, theo chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Trước khi bà Võ Thị L bị bệnh thì bà L sinh sống ở Đồng Nai. Khi bị bệnh bà L đã về điều trị bệnh và sinh sống ở nhà của bà Kim E, gia đình bà Kim đã chăm sóc cho bà L trong thời gian điều trị bệnh cho đến khi bà L chết. Sau khi bà L chết, bà Kim E và ông N đã đứng ra tổ chức tang lễ và lo hậu sự cho bà L. Đám tang bà L được tổ chức nhưng bà Kim E không chấp diếu (không nhận tiền của người đi viếng), tất cả chi phí do bà Kim E tự bỏ tiền ra chi trả. Sau khi tổ chức tang lễ xong, bà Kim E còn xây dựng nhà mồ cho bà L. Đồng thời, theo tài liệu thu thập được cũng thể hiện: Vào năm 2016, ông Đ đã khởi kiện yêu cầu bà Kim E và ông N trả số tiền 150.000.000 đồng cùng 10 chỉ vàng 24K. Sau đó, ông Đ đã có đơn xin rút đơn khởi kiện với lý do: “...

Sau khi quý Tòa hòa giải, tôi nhận thấy chi phí do bị đơn đưa ra trong việc lo đám tang, cúng kiến, làm nhà mồ là hợp lý, tôi không đòi nữa. Vì vậy, tôi xin rút lại đơn khởi kiện ... để chấm dứt vụ kiện này”. Vì vậy, có cơ sở để xác định giữa ông Đ và bà Kim E, ông N đã thanh toán xong số tiền, vàng vay vào việc chi phí chữa bệnh, mai táng cho bà L.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ cho rằng: Trước đây, giữa bà L, ông Đ và bà Kim E, ông N có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để lo chi phí trị bệnh, hữu sự về sau cho bà L nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà Kim E có cung cấp cho Tòa án hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Liên, ông Đạt với bà Kim E, ông N diện tích 2.946,1m², thuộc thửa 112, 119 tờ bản đồ 22 tại xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre với giá 50.000.000 đồng. Do đó, không có cơ sở để xác định bà L, ông Đ tặng cho quyền sử dụng đất để bà Kim E, ông N lo chi phí trị bệnh, hữu sự về sau cho bà L.

[4] Từ những tài liệu, chứng cứ như đã phân tích ở trên hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Kim E và ông N. Chính ông Đạt trước đây cũng thừa nhận các chi phí: điều trị bệnh, lo đám tang, làm nhà mồ cho bà L là phù hợp với số tiền, vàng trước đây bà L đã giao cho bà Kim E. Do đó, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Kim E và ông N trả lại số tiền 150.000.000 đồng với 90.000.000 đồng tiền lãi cùng 10 chỉ vàng 24K là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí.

- Bà Kim E và ông N không phải chịu án phí.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Bùi Văn N và bà Kim Thị Kim E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ 150.000.000 đồng, lãi suất là 90.000.000 đồng, tổng cộng 240.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí.

- Bà Kim E và ông N không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm